

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO TIẾP THU GIẢI TRÌNH Ý KIẾN
HỒ SƠ LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ
PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM MẪU GIÁO
(Bản rút gọn)

Bộ GDĐT đã gửi công văn số 2791/BGDĐT-GDMN ngày 11/6/2024 xin ý kiến các bộ, ngành, ủy ban (09 đơn vị, gồm Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, Hội đồng dân tộc của Quốc hội) và công văn số 2768/BGDĐT-GDMN ngày 11/6/2024 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo các bước lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định.

Hồ sơ gửi xin ý kiến gồm có: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Dự thảo Đề cương chi tiết Nghị quyết Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; (3) Dự thảo Nghị định của Chính phủ khai Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số của Quốc hội phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. (4) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động xây dựng Nghị quyết; (5) Báo cáo đánh giá kết quả phát triển giáo dục mầm non và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (giai đoạn 2011-2023).

Đến hết ngày 30/8/2024, Bộ GDĐT đã nhận được 9/9 ý kiến các bộ ngành và 63/63 ý kiến của UBND các tỉnh, thành phố.

Ý kiến góp ý cụ thể như sau:

- 9/9 Bộ, ngành nhất trí với căn cứ pháp lý, sự cần thiết và tính cấp thiết phải ban hành Nghị quyết của Quốc hội để tạo hành lang pháp lý thực hiện PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi.

- 63/63 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhất trí gần như 100% với nội dung hồ sơ dự thảo Nghị quyết (gồm 05 văn bản nêu trên).

Tuy nhiên, các bộ ngành có ý kiến đối với việc đề nghị Bộ GDĐT rà soát về các bước xây dựng văn bản (Bộ KH - ĐT, Bộ Tư pháp); về phạm vi, kinh phí, nguồn kinh phí thực hiện chính sách cần diễn đạt đúng thuật ngữ chuyên môn và tránh chồng chéo giữa các chính sách (Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, KHĐT); về việc cần làm kỹ hơn báo cáo đánh giá tác động mảng liên quan đến hệ thống văn bản QPPL và các điều ước quốc tế (Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao); về việc quan tâm hơn đến chính sách cho giáo viên và trẻ em khu vực khó khăn, miền núi DTTS và dạy tiếng Việt cho trẻ em DTTS (Ủy ban Dân tộc, Hội đồng Dân tộc của QH), một số vấn đề liên quan đến thể thức, kỹ thuật trình bày.

Các địa phương có ý kiến đề xuất mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách cho cả trẻ em nhà trẻ và giáo viên dạy trẻ nhà trẻ, cũng như mở rộng khu vực được hưởng chính sách, và nêu rõ nguồn kinh phí thực hiện.

Các ý kiến góp ý về cơ bản Bộ GDĐT đã tổ chức tiếp thu, chỉnh sửa vào dự thảo hồ sơ. Một số nội dung Bộ GDĐT đề nghị được giải trình. Nội dung tiếp thu giải trình Bộ GDĐT báo cáo cụ thể như sau:

1. Các vấn đề liên quan đến căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục xây dựng và trình văn bản

- Bộ KHĐT có ý kiến cho rằng, hồ sơ Nghị quyết không thuộc đối tượng lập đề nghị, theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL:

“Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nêu rõ các trường hợp cần lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong đó có Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật.

Đề nghị Quý Bộ bổ sung, làm rõ trong Tờ trình việc xây dựng Nghị quyết có thuộc đối tượng quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật không? Trường hợp không thuộc đối tượng, đề nghị xem xét lại việc lập đề nghị xây dựng Nghị quyết bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật”.

** Về nội dung này, Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo như sau:*

Luật ban hành VBQPPL quy định các trường hợp phải lập hồ sơ đề nghị”, gồm:

“b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành;

c) Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân;”

Bộ GDĐT đã đề nghị thực hiện theo quy trình theo ý Bộ KHĐT, tuy nhiên, sau khi làm việc với VPCP và Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp cho rằng Luật không quy

định rõ và sự ảnh hưởng của việc triển khai PCGDMNTMG trên phạm vi toàn quốc, tính chất phức tạp nên Bộ GDĐT vẫn cần lập hồ sơ đề nghị. Đây là một bước để làm kỹ hơn, xin ý kiến các đơn vị nhiều vòng hơn trước khi trình Chính phủ xem xét trình Quốc hội.

2. Các vấn đề liên quan đến phạm vi, đối tượng thực hiện phổ cập

- Bộ Tài chính có ý kiến như sau: ở giai đoạn năm 2022-2023, Bộ GDĐT đã trình hồ sơ đề nghị lập Nghị quyết thí điểm về phổ cập GDMN cho trẻ 3-5 tuổi ở 15 tỉnh, thành phố, hiện nay lại đề nghị hồ sơ phổ cập toàn quốc. Bộ Tài chính đề nghị Bộ GDĐT thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, khoa học đối với việc thực hiện phổ cập đại trà. Bộ Tài chính có đề nghị chỉ thực hiện thí điểm tại một số địa phương. Trường hợp, Bộ GDĐT vẫn tiếp tục trình thực hiện chính sách trên phạm vi cả nước; đề nghị Bộ GDĐT lấy ý kiến các địa phương để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

** Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến, giải trình như sau:*

- Ngày 24/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 gồm “hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi”.

- Ngày 09/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, theo đó: “giao cho Bộ GDĐT nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi”.

Như vậy, căn cứ theo Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương và Chính phủ thì việc thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi (viết tắt là Phổ cập giáo dục mầm giáo) sẽ cần phải triển khai thực hiện đại trà trên toàn quốc và hoàn thành vào năm 2030.

Để xây dựng hồ sơ lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, Bộ GDĐT đã gửi văn bản xin ý kiến UBND 63 tỉnh, thành phố; 100% các đơn vị nhất trí với chủ trương thực hiện phổ cập đại trà cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi (có tổng hợp ý kiến 63 tỉnh kèm theo).

Bộ GDĐT đã tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và bổ sung thêm lý do triển khai đại trà về Phổ cập giáo dục mầm giáo vào hồ sơ Nghị quyết.

- Bộ KHĐT có ý kiến về đối tượng trẻ thực hiện phổ cập, như sau:

“Theo đề xuất, Nghị quyết được ban hành nhằm quy định về Phổ cập giáo

dục mẫu giáo. Tuy nhiên, theo Báo cáo của Bộ GDĐT¹, đến năm 2017, 100% các tỉnh, thành phố trong cả nước hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Trong điều kiện nguồn lực hạn chế, đề nghị xem xét việc đưa trẻ 5 tuổi vào đối tượng áp dụng của Nghị quyết. Trường hợp đưa vào Nghị quyết, đề nghị chỉ nên đề xuất cơ chế, chính sách ở mức duy trì phổ cập bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế nhằm ưu tiên tập trung nguồn lực để hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3-4 tuổi.

Ngoài ra, hiện nay ngành GDĐT đang được giao triển khai xây dựng một số Nghị quyết, Chương trình có nội dung liên quan đến phát triển GDMN như Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN, Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho GDMN, GDPT giai đoạn 2024-2030... đề nghị rà soát phạm vi điều chỉnh, đối tượng của Nghị quyết tránh chồng chéo với các Nghị quyết, Chương trình khác có liên quan đến GDMN.”

** Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ KHĐT và báo cáo như sau:*

Cả nước đã hoàn thành PCGDMNTNT vào năm 2017, qua quá trình triển khai đến nay tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đã đạt hơn 99%, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mẫu giáo 5 tuổi từng bước được nâng lên, việc đội ngũ GVMN/ lớp được bổ sung (hiện nay đạt 1,87 GV/lớp) và tỷ lệ phòng học kiên cố (hiện nay đạt 84,8%) và trường MN đạt chuẩn quốc gia (hiện nay đạt 59,5%) được đầu tư tăng lên hằng năm đã tạo điều kiện cho việc duy trì kết quả đạt chuẩn PCGDMNTNT được thuận lợi. Tuy nhiên, theo thời gian ngoài việc tiếp tục bổ sung đội ngũ GVMN và CSVC còn thiếu thì việc đầu tư bổ sung về đội ngũ để thay thế cho đội ngũ nghỉ hưu, thôi việc và đầu tư thay thế cho CSVC xuống cấp của cấp học mầm non vẫn cần phải được thực hiện.

Việc triển khai phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn từ 2026-2030 nhằm thực hiện mục tiêu quan trọng của Ban chấp hành Trung ương đảng; chính sách phổ cập sẽ áp dụng cho cả 3 độ tuổi thuộc đối tượng phổ cập GDMN để đầu tư các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện mục tiêu của Đảng và Chính phủ.

Đối với ý kiến của Bộ KHĐT về các Nghị quyết đang được xây dựng “Đổi mới chương trình GDMN” và “Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho GDMN, GDPT giai đoạn 2024-2030”, Bộ GDĐT đã rà soát, tính toán, không chồng chéo về nguồn lực, đảm bảo sự liên thông các nguồn lực của các Chương trình, Đề án. Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất trường lớp thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo sẽ thuộc kinh phí của Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho GDMN, GDPT giai đoạn 2024-2030.

3. Các vấn đề liên quan đến chính sách cho trẻ em mẫu giáo

- Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

¹ Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

“Đề nghị làm rõ đối với khu vực chưa có đủ trường mầm non công lập thì trẻ mầm non thuộc đối tượng phổ cập GDMN trong các cơ sở GDMN tư thục, các nhóm trẻ độc lập, lớp mầm non độc lập có được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí tương tự như học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập hay không (Bộ Tài chính đã có ý kiến về nội dung này tại công văn số 9401/BTC-HCSN ngày 05/9/2023).

** Về nội dung này, Bộ GDĐT báo cáo tiếp thu, giải trình, như sau:*

Bộ GDĐT đã rà soát, các chính sách về học phí đối với trẻ em mẫu giáo tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, qua đó, trẻ em mẫu giáo cùng đối tượng được miễn, giảm học phí tại điểm c khoản 4 Điều 8 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP sẽ được nhà nước hỗ trợ (c) *Học sinh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được nhà nước chi trả tối đa bằng mức học phí đối với học sinh cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn).*

Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến; đã rà soát về chính sách hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo theo ý kiến của Bộ Tài chính. Qua đó, các chính sách được xây dựng trong dự thảo chủ yếu là dựa trên các chính sách đã có quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, chỉ mở rộng thêm đối tượng để đảm bảo công bằng giữa trẻ em mẫu giáo 5 tuổi với trẻ em mẫu giáo 3, 4 tuổi; đồng thời đề xuất nâng mức hỗ trợ để phù hợp với tình hình kinh tế xã hội và mức trượt giá hiện nay. Các chính sách không trùng lặp, chồng chéo giữa các đối tượng thụ hưởng.

- Bộ Tư pháp có ý kiến:

“Về giải pháp *miễn học phí cho đối tượng trẻ em vùng khó khăn, trẻ em đối tượng chính sách* (giải pháp 2 mục II.1.3 trang 8). Tại khoản 1 Điều 3 Đề cương dự thảo Nghị quyết quy định các đối tượng được hưởng và mức hưởng đối với chính sách ưu đãi học phí. Liên quan đến chính sách học phí, ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, pháp luật đã có quy định như sau: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (khoản 2 Điều 15 quy định đối tượng được miễn học phí gồm: *Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật*; khoản 1 Điều 18 quy định đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập gồm: *Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mô côc cả cha lẫn mẹ...*); Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (khoản 2 Điều 7 quy định *trẻ em² thuộc đối*

² Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định đối tượng trẻ em được hưởng chính sách: *Có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Trẻ em là con*

tương quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học); Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người)...

Qua rà soát các nội dung và mức hưởng chính sách tại Đề cương Dự thảo Nghị quyết, Bộ Tư pháp nhận thấy cơ bản nội dung chính sách được giữ nguyên như pháp luật hiện hành (chỉ tăng mức hỗ trợ) là hỗ trợ tiền ăn trưa, chi phí học tập cho một số đối tượng trẻ em cụ thể. Trong khi đó, tại khoản 2 Điều 14 Luật Giáo dục quy định *Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện giáo dục bắt buộc trong cả nước; quyết định kế hoạch, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục*. Như vậy, theo quy định của Luật Giáo dục thì Nhà nước có trách nhiệm phải đảm bảo các điều kiện để thực hiện phổ cập. Do đó, để đảm bảo thực hiện được phổ cập giáo dục thì cần nghiên cứu các chính sách chung (các chính sách miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập...) để đảm bảo thực hiện phổ cập cho tất cả các tỉnh, thành phố; các chính sách riêng cho các đối tượng đặc thù hoặc những khu vực khó khăn trong việc huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến:

Dự thảo Nghị quyết đề xuất một số chính sách miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định 81/2021/NĐ-CP), Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP (Nghị định 97/2023/NĐ-CP) trong đó có quy định miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với một số đối tượng là trẻ em mẫu giáo.

Đề nghị rà soát, bảo đảm các cơ chế, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập được đề xuất tại Nghị quyết không trùng lặp với các chính sách đã được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP và Nghị định 97/2023/NĐ-CP.

Về nội dung này, Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu, rà soát đảm bảo các chính sách không trùng lặp, chồng chéo với các chính sách đã được quy định trong hệ thống. Bộ GDĐT báo cáo cụ thể về chính sách cho trẻ em đã được quy định hiện hành như sau:

* Đối với chính sách miễn giảm học phí: Sau khi rà soát theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, trong đó: Theo Điều 15. Đối tượng được miễn học phí (*có 6 đối tượng*): (1) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật; (2) Trẻ em học

liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có); Trẻ em khuyết tật học hòa nhập

mẫu giáo không có nguồn nuôi dưỡng; (3) Trẻ em học mẫu giáo có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; (4) Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; (5) Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024); (6) Trẻ em mầm non là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

Như vậy, các đối tượng miễn giảm học phí tại Dự thảo Nghị quyết đã được rà soát, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp, chỉ bổ sung đối tượng thụ hưởng là trẻ em 3 tuổi, 4 tuổi.

Về đối tượng bổ sung, dự thảo Nghị quyết đã bổ sung đối tượng “Trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.”. Đối tượng nêu trên không trùng lặp với đối tượng tại Nghị định số 81; đồng thời nhằm mục tiêu thực hiện XHH giáo dục theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị quyết số 35 của Chính phủ năm 2019 về XHH giáo dục.

- Ủy ban Dân tộc có ý kiến:

Về Phổ cập giáo dục mẫu giáo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn dự báo sẽ khó thành công cũng như giữ kết quả phổ cập trong giai đoạn sau, vì đặc điểm kinh tế - xã hội, dân cư của vùng này có tính đặc thù, các hộ gia đình thường nhà ở xa điểm trường, lớp học; đường xá, phương tiện giao thông đi lại còn nhiều khó khăn, không có phương tiện đưa đón; một số gia đình đi làm ăn xa gửi con cho ông bà, gia đình, nên có yếu tố ảnh hưởng đến việc đưa, đón trẻ tới trường; mặt khác một số hộ gia đình không có thu nhập hoặc thu nhập rất thấp nên không có điều kiện để mua sắm một số đồ dùng tối thiểu để phục vụ việc đến trường, đến lớp cho trẻ như: quần áo, giày dép, cặp xách... đây là yếu tố tác động đến việc huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi ra trường, ra lớp. Với những lý do trên, để thực hiện thành công việc Phổ cập giáo dục mẫu giáo cần có thêm chính sách hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo có trẻ từ 3 đến 5 tuổi, duy trì liên tục cho việc đưa trẻ đến trường, đến lớp học tập hiệu quả; trong quá trình triển khai thực hiện nên phân cấp cho địa phương để đảm bảo sát thực với tình hình thực tế.

* Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu, trong triển khai thực hiện sẽ huy động cả hệ thống chính trị và toàn dân chung tay đầu tư, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo đưa trẻ đến trường.

Ngoài ra, Dự thảo Nghị quyết cũng đã bổ sung thêm chính sách cho các đối tượng trẻ em vùng DTTS, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn, cụ thể như: nâng mức hỗ trợ ăn trưa, bổ sung chính sách miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi để hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo tại vùng DTTS&MN, khu vực có KTXH khó khăn và đặc biệt khó khăn.

4. Các vấn đề liên quan đến chính sách cho đội ngũ giáo viên

Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

- Ý kiến thứ nhất: Cơ quan chủ trì lập Đề nghị đề xuất giải pháp giáo viên mầm non công lập được tuyển dụng mới từ năm học 2025-2026... đáp ứng nhiệm vụ *phổ cập giáo dục mẫu giáo được hưởng chính sách thu hút, ưu đãi khi tuyển dụng tối thiểu 01 năm tiền lương cơ sở* (giải pháp 2 tiểu mục 2.3 mục II.2 trang 17). Bộ Tư pháp nhận thấy, tại hồ sơ cơ quan chủ trì soạn thảo nêu các khó khăn, vướng mắc trong việc tuyển dụng, sử dụng giáo viên mầm non là do mức lương thấp dẫn đến nhiều giáo viên không tiếp tục làm việc. Tuy nhiên, cũng tại hồ sơ Nghị quyết cơ quan chủ trì lập Đề nghị mới chỉ đề xuất chính sách ưu đãi khi tuyển dụng là 01 năm tiền lương. Trong khi đó, để thực hiện được phổ cập giáo dục thì giáo viên là một trong những điều kiện quyết định. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập Đề nghị *ngiên cứu thêm các cơ chế, chính sách để thu hút giáo viên mầm non, đảm bảo các chế độ chính sách cho đối tượng này*, đặc biệt là đối với các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thêm việc quy định mức hỗ trợ tương đương giữa cán bộ quản lý, nhân viên với giáo viên tại các cơ sở GDMN trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ, vì công việc của mỗi đối tượng này có vị trí tính chất khác nhau, đặc biệt là đối với giáo viên trực tiếp thực hiện việc giảng dạy.

Bên cạnh đó, Đề cương dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể các mức hỗ trợ đối với trẻ em mẫu giáo (mục 1.2 khoản 1 Điều 3) và mức hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDMN (khoản 2 Điều 3). Tuy nhiên, Luật Tổ chức chính phủ năm 2015 quy định Chính phủ *quyết định chính sách cụ thể về giáo dục để bảo đảm phát triển giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội* (khoản 2 Điều 11), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định Chính phủ ban hành nghị định để *quy định các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, ... giáo dục* (khoản 2 Điều 19). Do đó, đề nghị cân nhắc việc quy định nội dung nêu trên tại Đề cương dự thảo Nghị quyết.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì lập Đề nghị giải trình thêm về sự cần thiết hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, vì việc xác định *trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập* là rất khó xác định.

* Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp. Đồng thời Bộ GDĐT báo cáo giải trình thêm các ý kiến của Bộ Tư pháp như sau:

+ Về chính sách cho trẻ em mẫu giáo: Bộ đã có ý kiến giải trình ở phần tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về chính sách cho trẻ em mẫu giáo của Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT, UBĐT.

+ Về cách tính toán chính sách thu hút cho đội ngũ giáo viên mầm non đã giải trình ở nội dung góp ý đối với ý kiến của Bộ Tài chính.

+ Về chính sách hỗ trợ CBQL, GVMN, NV thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi. Bộ GDĐT báo cáo giải trình thêm như sau:

Tại báo cáo đánh giá kết quả phát triển GDMN giai đoạn 2011-2023, Bộ GDĐT đã báo cáo một số khó khăn, vướng mắc của đội ngũ cấp học mầm non như: CBQL thiếu trên 2.700 người, GVMN thiếu trên 51.000 người, đội ngũ nhân viên trường học cũng thiếu trên 5.000 người. Như vậy, với khối lượng công việc hiện nay tại các cơ sở GDMN là rất lớn, riêng đội ngũ giáo viên mầm non vừa thiếu lại vừa phải làm nhiệm vụ vượt giờ theo Luật Lao động (mỗi ngày làm từ 9-10h/ngày, vượt ít nhất 02 giờ), trong khi tính chất công việc phức tạp ảnh hưởng trực tiếp tới trẻ em mà mức lương chưa tương xứng nên trong thời gian qua nhiều GVMN, NV trường học bỏ nghề, không thu hút được nhiều GVMN mới. Vì vậy, để có chính sách giữ chân, thu hút đội ngũ này cần có chính sách hỗ trợ cho CBQL, GVMN, NV trong thực hiện nhiệm vụ phổ cập để đội ngũ yên tâm công tác do khi triển khai phổ cập khối lượng công việc sẽ tăng rất nhiều và áp lực đồng thời tăng cao lên đội ngũ. Bộ GDĐT đã tính toán chi tiết và đảm bảo không trùng lặp các chính sách cho đội ngũ.

Về các chính sách đối với đội ngũ hiện nay dự thảo đã có chính sách thu hút đội ngũ (hỗ trợ 01 năm lương tối thiểu); có chính sách hỗ trợ hàng tháng (960.000 đồng/người/tháng). Riêng đối với chính sách hỗ trợ 960.000 đồng hiện nay dự thảo đang đề nghị hỗ trợ cùng mức cho cả 3 đối tượng là CBQL, GV, NV khi thực hiện nhiệm vụ PCGDMNTMG; Ngoài ra, các cơ chế, chính sách để thu hút giáo viên mầm non, đảm bảo các chế độ chính sách cho đối tượng này, đặc biệt là đối với các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số Bộ GDĐT sẽ tiếp tục nghiên cứu để tham mưu đưa vào Luật Nhà giáo.

Qua ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ GDĐT sẽ làm rõ nghĩa cụm từ trực tiếp thực hiện công tác phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo là bao gồm những nội hàm nào; bổ sung thêm về sự cần thiết phải hỗ trợ; xem xét thêm về mức hỗ trợ giữa đối tượng ở vùng khó khăn và vùng thuận lợi vào hồ sơ Nghị quyết.

- Ý kiến thứ hai: Về việc cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non (điểm d khoản 2 Điều 3 Đề cương dự thảo Nghị quyết):

Điểm d khoản 2 Điều 3 Đề cương dự thảo Nghị quyết quy định *cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non, cam kết hoàn thành việc đào tạo nâng chuẩn đối với đội ngũ giáo viên này để chậm nhất đến năm 2030 đạt trình độ chuẩn đào tạo theo đúng quy định của Luật Giáo dục*. Về vấn đề này, điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục đã quy định về trình độ chuẩn đào

tạo đối với nhà giáo là *có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên đối với giáo viên mầm non*. Như vậy, theo quy định của Luật Giáo dục thì giáo viên mầm non phải có bằng cao đẳng sư phạm trở lên. Trong khi đó, hồ sơ chưa thực hiện đánh giá đối với đề xuất này. Việc nâng chuẩn trình độ đào tạo đối với giáo viên là một trong những điểm mới của Luật Giáo dục, hơn nữa, sau khi Luật Giáo dục năm 2019 có hiệu lực thì việc tuyển sinh và đào tạo đối với trung cấp sư phạm mầm non đã không được thực hiện. Vì vậy, cần cân nhắc thêm về tính khả thi, hợp lý của quy định này.

Bên cạnh đó, tại Đề cương dự thảo Nghị quyết mới chỉ nêu chính sách mà chưa có các điều kiện đảm bảo việc thực hiện quy định này như: các trường hợp được thực hiện tuyển dụng đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non; địa bàn được thực hiện tuyển dụng (nên cân nhắc chỉ áp dụng đối với những địa bàn hiện những vùng kinh tế khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...)... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì lập Đề nghị nghiên cứu bổ sung đánh giá và quy định các cơ chế kiểm soát trong việc thực hiện giải pháp này.

** Bộ GDĐT sẽ tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, đã bỏ nội dung “cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non” ra khỏi dự thảo Nghị quyết.*

5. Các vấn đề liên quan đến đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non, kinh phí và nguồn kinh phí

a) Ý kiến của Bộ Tài chính:

- Ý kiến thứ nhất: Theo báo cáo của Bộ GDĐT khi triển khai trên phạm vi cả nước, dự kiến kinh phí NSNN thực hiện chính sách là 8.561 tỷ đồng/năm (tính theo lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng), bao gồm kinh phí thực hiện chính sách cho giáo viên mầm non và trẻ em mẫu giáo là 4.957 tỷ đồng/năm; kinh phí đầu tư mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non là 3.604 tỷ đồng/năm, nhưng chưa nêu rõ nguồn NSNN lồng ghép từ các chương trình hiện có (CTMTQG, chương trình hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030 theo Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ,...), nguồn NSNN phải bố trí thêm (kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư công từ NSNN) nên không có cơ sở để tham gia về việc cân đối nguồn lực khi mở rộng phạm vi như đề xuất của Bộ GDĐT.

Do kinh phí thực hiện các chính sách về Phổ cập giáo dục mẫu giáo thuộc nội dung chi của NSDP. Vì vậy, đề nghị Bộ GDĐT tổng hợp ý kiến của các địa phương đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện (trong đó đề nghị: (1) phân định rõ nguồn vốn đầu tư, vốn thường xuyên và nguồn kinh phí khác; (2) chi tiết nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chính sách được đề xuất tại dự thảo Nghị quyết).

- Ý kiến thứ hai: Về đề xuất nguồn kinh phí của các CTMTQG:

+ Giai đoạn 2021-2025, đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp GDMN thuộc nội dung đầu tư phát triển hạ tầng tại 03 CTMTQG; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách

địa phương thực hiện theo từng CTMTQG theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021, số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022).

+ Giai đoạn 2026-2030 hiện nay mới có chủ trương thực hiện 02 CTMTQG là: CTMTQG về phát triển văn hóa và CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chưa có chủ trương xây dựng các CTMTQG khác.

Tuy nhiên, tại mục Kinh phí thực hiện Nghị quyết, bao gồm cả lồng ghép từ nguồn vốn của các CTMTQG (gồm: CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025) được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

Trường hợp việc Phổ cập giáo dục mẫu giáo sử dụng vốn của các CTMTQG, việc phân bổ và cơ chế quản lý tài chính thực hiện theo cơ chế của các CTMTQG, nguyên tắc phân bổ vốn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tương ứng với từng CTMTQG. Đối với vốn đầu tư công phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đầu tư công hiện hành.

Việc đề xuất chung nguyên tắc phân bổ vốn, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các công trình như dự thảo là chưa phù hợp.

+ Bộ Tài chính đã có công văn số 9401/BTC-HCSN ngày 05/9/2023 gửi Bộ GD&ĐT. Trong đó, đề nghị sửa như sau:

“Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm:
- NSNN theo phân cấp ngân sách hiện hành;
- Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác”.

Vì vậy, đề nghị Bộ GD&ĐT tiếp thu nội dung về nguồn kinh phí theo ý kiến Bộ Tài chính đã tham gia, nhất là việc đánh giá tác động tới ngân sách nhà nước đối với chính sách đề xuất.

** Bộ GDĐT báo cáo, giải trình về nội dung này như sau:*
- Kinh phí đầu tư đã được quy định ở CTMTQG: ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị vùng khó khăn;
- Đối với các tỉnh thuận lợi: bố trí trong kinh phí phân cấp theo quy định.
- Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và đã tính toán, thuyết minh các nguồn vốn đầu tư và kinh phí chi thường xuyên. Ngoài ra, nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp hiện nay nằm trong tính toán của Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030 (Chính phủ giao cho Bộ GDĐT xây dựng tại Nghị quyết số 68/NQ-CP).

b) Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính liên quan đến việc rà soát nguồn kinh phí

“+ Đối với nội dung *“Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ em mẫu giáo. Phân đầu đủ 100% phòng học đáp ứng phổ cập mẫu giáo; đến 2030, có 85% số phòng học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất trở lên theo quy định”*: Tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới đã giao Ủy ban Dân tộc phối hợp với các Bộ ngành liên quan sửa đổi, bổ sung Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trong đó *“Bổ sung đối tượng thụ hưởng là cấp học mầm non”*. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban Dân tộc để thực hiện nhiệm vụ nêu trên bảo đảm nguồn kinh phí đầu tư cho giáo dục mầm non thông qua Chương trình trong giai đoạn 2026-2030 (Bộ TC, KHĐT)

Ngoài ra, triển khai Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai trình cấp thẩm quyền chủ trương đầu tư Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030 trong đó có nội dung đầu tư cho giáo dục mầm non.

Đối với nội dung *“Có chương trình, dự án đầu tư phát triển trường, lớp học, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, ưu tiên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn”*: việc đầu tư phát triển trường, lớp thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non trong giai đoạn 2026-2030 đã được đề xuất thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030...do vậy, đề nghị bỏ nội dung nêu trên tại dự thảo Nghị quyết.

** Bộ GDĐT báo cáo về nội dung này, như sau:*

Đối với ý kiến của Bộ KH&ĐT đề nghị bỏ nội dung: *“Có chương trình, dự án đầu tư phát triển trường, lớp học, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, ưu tiên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn”*.

Bộ GDĐT nhận thấy các chương trình đầu tư CSVC nêu trên mặc dù đã có (QĐ 1436, QĐ 1719) hoặc đang xây dựng (Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030 (Chính phủ giao cho Bộ GDĐT xây dựng tại Nghị quyết số 68/NQ-CP) tuy nhiên

có tình trạng không rõ nguồn kinh phí hoặc chưa được phê duyệt cho nên Bộ GD&ĐT tiếp tục đề nghị giữ nguyên như dự thảo; Trường hợp các dự án, chương trình nói trên được phê duyệt sửa đổi, bổ sung, ban hành mới thì sẽ bỏ ra khỏi Nghị quyết trước khi trình Quốc hội.

- Tại điểm 3.3 khoản 3 Mục IV Dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ GD&ĐT đề xuất: *Nhà nước ưu tiên có Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) đầu tư xây dựng đủ trường/lớp học đáp ứng nhu cầu của trẻ em vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo; hoặc đưa cấu phần GDMN vào giai đoạn 2 (giai đoạn 2026-2030 của CTMTQG phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030 - chỉnh sửa Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và dự kiến nhu cầu kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng đồ chơi giai đoạn 2026-2030 là 18.024,8 tỷ đồng. Tuy vậy, Bộ GD&ĐT không thuyết minh nguồn kinh phí thực hiện chính sách.*

Bên cạnh đó, hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025.

Vì vậy, đề nghị Bộ GD&ĐT rà soát và lồng ghép các chính sách để đảm bảo tránh trùng lặp với các chính sách đã được quy định (Bộ TC)

** Bộ GD&ĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính. Bộ GD&ĐT sẽ tính toán để đảm bảo lồng ghép các chính sách để tránh trùng lặp với các chính sách đã được quy định (Cụ thể là sẽ lồng ghép trong Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030).*

- Về nội dung tại điểm c tại khoản 3 điều 3 Dự thảo 2 Đề cương chi tiết Nghị quyết “*Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở GDMN theo phương thức đối tác công tư (trường công, quản lý tư); không áp dụng quy định về quy mô tổng mức tối thiểu của dự án PPP lĩnh vực giáo dục - đào tạo của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư cơ sở GDMN*”:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo có quy mô tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên. Do đó, đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và tổng hợp ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPT.

** Bộ GD&ĐT nhất trí tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính về các nội dung có liên quan đến Luật đầu tư. Bộ GD&ĐT đã rà soát và xác định phương thức đối tác công tư trong GDMN sẽ thực hiện theo hình thức hợp đồng O&M. Dự án đối tác công tư theo hình thức hợp đồng O&M (vận hành- quản lý) không áp dụng yêu cầu về mức đầu tư tối thiểu.*

d) Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngoài ý kiến về việc rà soát nguồn kinh phí (trùng với Bộ Tài chính, Bộ KHĐT có ý kiến về Dự án PPP: Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến. Bộ GDĐT đã rà soát và xác định phương thức đối tác công tư trong GDMN sẽ thực hiện theo hình thức hợp đồng O&M. Dự án đối tác công tư theo hình thức hợp đồng O&M (vận hành-quản lý) không áp dụng yêu cầu về mức đầu tư tối thiểu. Bộ GDĐT sẽ sửa đổi trong Dự thảo Nghị quyết.

6. Các vấn đề liên quan đến khái niệm, thuật ngữ, thể thức văn bản

- Bộ Tài chính

Đề nghị rà soát trẻ mẫu giáo trong độ tuổi phổ cập đi học tại các trường mầm non công lập được “miễn học phí” hay “không phải đóng học phí” để đảm bảo thống nhất, lý do: Điều 14 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí quy định học sinh tiểu học trường công lập (đối tượng phổ cập giáo dục) không phải đóng học phí; trẻ em học mẫu giáo (hiện nay chưa phải là đối tượng phổ cập giáo dục) được miễn học phí.

** Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu và báo cáo như sau:*

- Căn cứ vào Điều 99 (Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo) của Luật Giáo dục và tại Điều 14 (Đối tượng không phải đóng học phí) của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP thì đối tượng trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trong diện phổ cập GDMN là đối tượng được “miễn học phí”. Chỉ có học sinh tiểu học mới thuộc đối tượng “không phải đóng học phí” (khoản 3 Điều 99 Luật Giáo dục; đồng thời cũng là cấp học được quy định là “giáo dục bắt buộc”). Vì vậy, Bộ GDĐT xây dựng Nghị quyết của Quốc hội PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi theo yêu cầu của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ để đưa đối tượng trẻ em mẫu giáo 3 tuổi và 4 tuổi vào diện phổ cập đối với cấp học mầm non. Qua đó, sẽ đề xuất đưa đối tượng trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi vào diện được miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 81 (sửa đổi, bổ sung vào mục miễn học phí cho trẻ em 5 tuổi) để từ đó hỗ trợ cho trẻ em mẫu giáo thuộc các đối tượng khó khăn có điều kiện tốt hơn để ra lớp, tiếp cận sớm với giáo dục, làm nền tảng bền vững cho trẻ học tốt hơn ở các cấp học sau. Việc dự thảo Nghị quyết quy định trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng miễn học phí là phù hợp.

7. Về báo cáo đánh giá tác động

- Bộ Tư pháp: Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách lập đề nghị xây dựng Nghị quyết

Cơ quan chủ trì soạn thảo xác định 03 chính sách gồm:

Chính sách 1. Bố trí nguồn lực tài chính ngân sách và ưu đãi đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;

Chính sách 2. Chính sách thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với giáo viên mầm non, bảo đảm đội ngũ giáo viên mầm non để thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;

Chính sách 3. Hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập, đảm bảo tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được huy động đến cơ sở giáo dục mầm non để được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đánh giá chính sách trên cơ sở các nội dung tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP). Tuy nhiên, để hoàn thiện dự thảo hồ sơ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý thêm, cụ thể:

(i) Về đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật: nội dung đánh giá tại dự thảo tương đối sơ sài, mới chỉ nêu *giải pháp không vi phạm, ảnh hưởng Luật và các văn bản quy phạm pháp luật nào đang được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam*. Tuy nhiên, qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy việc ban hành Nghị quyết là chưa đảm bảo thống nhất với Luật Giáo dục về đối tượng phổ cập giáo dục, đồng thời, tại hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị quyết cũng đề xuất *giải pháp cho phép tuyển dụng người tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non* (giải pháp 2 Chính sách 2) là khác với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Giáo dục. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đánh giá theo hướng phân tích, dự báo tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật... theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

(ii) Nội dung đánh giá, tác động còn mang tính chủ quan, thiếu cơ sở lý luận hoặc thực tiễn để đánh giá, như: *nhận định không có tác động tiêu cực cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi* (giải pháp 3 Chính sách 1), trong khi đó, nhiệm vụ, mục tiêu của giáo dục mầm non là ***thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi*** (khoản 1 Điều 23 Luật Giáo dục). Như vậy nội dung này có tác động rất lớn đến trẻ em trong lứa tuổi này, vì vậy cũng sẽ đặt ra yêu cầu đối với trẻ em cũng như trách nhiệm của gia đình trong việc đưa các em đến trường, lớp; giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt. Tuy nhiên, đối tượng hưởng thụ chính sách là trẻ em gồm cả trẻ em gái và trẻ em trai, do đó, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với các em cũng có thể khác nhau... Do đó, đề nghị nghiên cứu đánh giá.

Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu và báo cáo như sau: Hiện nay, Bộ GDĐT đang rà soát Luật Giáo dục, Bộ GDĐT đang đề xuất chỉnh sửa nội dung của Luật Giáo dục liên quan đến bổ sung đối tượng phổ cập cho trẻ em mẫu giáo, nhằm tạo căn cứ pháp lý lâu dài cho địa phương thực hiện. Những nội dung mới chưa được quy định bởi Luật mà Bộ Chính trị chỉ đạo, Quốc hội sẽ ban hành Nghị quyết để địa phương căn cứ triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ GDĐT.

Bộ GDĐT trân trọng báo cáo!